

CHÍNH PHỦ
Số: 85/2007/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2007

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006.

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, áp dụng đối với việc quản lý các loại thuế; phí, lệ phí; tiền thuê đất, thuê mặt nước; tiền sử dụng đất; thu từ khai thác tài nguyên khoáng sản và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu theo quy định của pháp luật.

2. Chính sách về hiện đại hóa quản lý thuế, xây dựng lực lượng quản lý thuế, xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Điều 2. Người nộp thuế

Người nộp thuế quy định tại Nghị định này bao gồm:

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nộp thuế, phí, lệ phí hoặc các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.
2. Tổ chức được giao nhiệm vụ thu phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước.
3. Tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế; tổ chức, cá nhân làm thủ tục về thuế thay người nộp thuế bao gồm:
 - a) Tổ chức, cá nhân là bên Việt Nam ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam không theo quy định của pháp luật về đầu tư và không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam;
 - b) Tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế khi chi trả thu nhập cho người có thu nhập thuộc diện nộp thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao;
 - c) Tổ chức làm đại lý tàu biển, đại lý cho các hãng vận tải nước ngoài có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng tàu biển từ các cảng biển Việt Nam ra nước ngoài hoặc giữa các cảng biển Việt Nam;
 - d) Tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế;
 - đ) Đại lý làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu;
 - e) Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ bưu chính, dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế trong trường hợp nộp thay thuế cho tổ chức, cá nhân nộp thuế;
 - g) Tổ chức tín dụng hoặc tổ chức khác hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng trong trường hợp bảo lãnh nộp thuế cho tổ chức, cá nhân nộp thuế.

Điều 3. Ủy nhiệm thu thuế

1. Cơ quan quản lý thuế ủy nhiệm cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thu một số loại thuế theo quy định của Bộ Tài chính.
2. Việc ủy nhiệm thu thuế phải được thực hiện thông qua hợp đồng giữa thủ trưởng cơ quan quản lý thuế với cơ quan, tổ chức, cá nhân được ủy nhiệm thu.
3. Bên được ủy nhiệm thu thuế có trách nhiệm: thông báo và đôn đốc người nộp thuế thực hiện nộp thuế theo hợp đồng ủy nhiệm thu; cấp chứng từ thu tiền cho người nộp thuế khi thu tiền thuế; nộp tiền thuế đã thu được vào tài khoản của cơ quan quản lý thuế tại Kho bạc Nhà nước; quyết toán số tiền thuế thu được và biên lai

thu tiền thuế với cơ quan quản lý thuế; theo dõi và báo cáo với cơ quan quản lý thuế các trường hợp phát sinh người nộp thuế mới hoặc có thay đổi quy mô, ngành nghề kinh doanh của người nộp thuế trên địa bàn ủy nhiệm thu.

4. Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm: thông báo công khai các trường hợp ủy nhiệm thu thuế để người nộp thuế biết và thực hiện; cung cấp chứng từ thu thuế, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tình hình thu, nộp tiền thuế của cơ quan, tổ chức, cá nhân được ủy nhiệm thu thuế.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được ủy nhiệm thu thuế quy định tại Điều này được hưởng kinh phí ủy nhiệm thu trích từ kinh phí hoạt động của cơ quan quản lý thuế. Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích và sử dụng kinh phí ủy nhiệm thu quy định tại khoản này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nguyên tắc tính thuế, khai thuế, nộp thuế

1. Người nộp thuế có trách nhiệm tính số tiền thuế phải nộp ngân sách nhà nước do mình kê khai, trừ trường hợp cơ quan quản lý thuế ấn định thuế hoặc tính thuế theo quy định tại các Điều 37, 38 và 39 của Luật Quản lý thuế.

2. Người nộp thuế phải khai chính xác, trung thực, đầy đủ các nội dung trong tờ khai thuế và nộp đủ các chứng từ, tài liệu quy định trong hồ sơ khai thuế với cơ quan quản lý thuế.

3. Trường hợp người nộp thuế tự tính thuế thì phải nộp đủ số tiền thuế đã tính và khai với cơ quan quản lý thuế theo thời hạn nộp hồ sơ khai thuế quy định tại Điều 32, Điều 33 của Luật Quản lý thuế.

4. Trường hợp cơ quan quản lý thuế tính thuế hoặc ấn định thuế, thời hạn nộp thuế là thời hạn ghi trên thông báo nộp thuế hoặc quyết định thu thuế của cơ quan quản lý thuế.

Điều 5. Thay đổi thông tin đăng ký thuế

1. Khi có thay đổi thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế đã nộp, người nộp thuế phải thông báo với cơ quan thuế quản lý trực tiếp (ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký

thuế) trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi thông tin.

2. Trường hợp có sự thay đổi trụ sở của người nộp thuế dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp, người nộp thuế có trách nhiệm nộp đủ số tiền thuế đã khai trước khi thay đổi trụ sở và không phải quyết toán thuế với cơ quan thuế (trừ trường hợp thời điểm thay đổi trụ sở trùng với thời điểm quyết toán thuế năm).

3. Trường hợp thông tin trong Giấy chứng nhận đăng ký thuế thay đổi, cơ quan thuế quản lý trực tiếp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký thuế đã cấp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế mới cho người nộp thuế.

Điều 6. Hồ sơ khai thuế

1. Hồ sơ khai thuế bao gồm tờ khai thuế theo mẫu do Bộ Tài chính quy định và các tài liệu liên quan làm căn cứ để người nộp thuế khai thuế, tính thuế.

2. Tờ khai thuế phải có các nội dung chính sau đây:

a) Tên loại, mã hiệu tờ khai thuế;

b) Kỳ tính thuế hoặc thời điểm phát sinh nghĩa vụ thuế;

c) Thông tin về người nộp thuế: tên, mã số thuế, địa chỉ giao dịch;

d) Các thông tin về căn cứ để tính số thuế phải nộp;

đ) Chữ ký của người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế.

Điều 7. Khai thuế giá trị gia tăng

1. Khai thuế giá trị gia tăng quy định như sau:

a) Khai theo tháng, trừ trường hợp khai theo từng lần phát sinh quy định tại điểm b khoản này và khai thuế theo phương pháp khoán quy định tại Điều 18 Nghị định này.

b) Khai theo từng lần phát sinh áp dụng đối với:

- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

- Hàng hoá, dịch vụ do người nộp thuế kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai mà không thành lập đơn vị trực thuộc tại địa phương cấp tỉnh khác với nơi đóng trụ sở chính (sau đây gọi là kinh doanh ngoại tỉnh); trường hợp việc khai thuế phát sinh nhiều lần trong một tháng thì người nộp thuế có thể đăng ký với cơ quan quản lý thuế để chuyển sang khai thuế giá trị gia tăng theo tháng.

c) Khai quyết toán thuế năm đối với trường hợp tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng.

2. Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng:

a) Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng tháng gồm:

- Tờ khai thuế giá trị gia tăng tháng;
- Bảng kê hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ;
- Bảng kê hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ.

b) Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng theo từng lần phát sinh đối với trường hợp kinh doanh ngoại tỉnh là tờ khai thuế giá trị gia tăng; đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là hồ sơ hải quan.

c) Hồ sơ khai quyết toán thuế giá trị gia tăng là tờ khai quyết toán thuế giá trị gia tăng và các tài liệu khác có liên quan.

Điều 8. Khai thuế thu nhập doanh nghiệp

1. Khai thuế thu nhập doanh nghiệp quy định như sau:

- a) Khai tạm tính theo quý, trừ trường hợp khai thuế theo phương pháp khoán quy định lại Điều 18 Nghị định này;
- b) Khai theo từng lần phát sinh đối với thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất;
- c) Khai quyết toán năm hoặc khai quyết toán thuế đến thời điểm chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp, chấm dứt hợp đồng, chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, tổ chức lại doanh nghiệp.

2. Hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp:

- a) Hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính theo quý là tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp quý;
- b) Hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất là tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp về chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất và các tài liệu liên quan;
- c) Hồ sơ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:
 - Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp;